

PHẬT NÓI KINH THÁNH DIỆU MẪU ĐÀ LA NI

Hán dịch : Truyền Giáo Đại Sư PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngự tại Đại Thành A Noa Ca Phộc Đê (Anāḍakavati). Bấy giờ có vô số Trời (Deva), Rồng (Nāga), Dạ Xoa (Yakṣa), Càn Đát Bà (Gandharva), A Tu La (Asura), Ca Lô La (Garuḍa), Khẩn Na La (Kinnara), Ma Hầu La Gia (Mahoraga), Người (Manuṣya), Phi Nhân (Amanuṣya) với Mộc Tinh (Vṛhaspati), Hỏa Tinh (Aṅgāraka), Kim Tinh (Śukra), Thủy Tinh (Budha), Thổ Tinh (Śanaiścara), Thái Âm (Soma), Thái Dương (Āditya), La Hầu (Rāhu), Kế Đô (Ketu), 28 Diệu (?28 Tú) (Aṣṭa-vimśata-nakṣatra) của nhóm như vậy cung kính vây quanh.

Kim Cương Tam Muội Trang Nghiêm Đạo Trường này lại có vô số ngàn Bồ Tát Ma Ha Tát chúng. Tên các Vị ấy là : Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajra-Pāṇi), Kim Cương Phần Nộ Bồ Tát (Vajra-caṇḍa), Kim Cương Quân Bồ Tát (Vajra-sena), Kim Cương Bá Ni Bồ Tát (Vajra-cāpahasta), Kim Cương Chủ Bồ Tát (Vajra-adhipati), Kim Cương Trang Nghiêm Bồ Tát (Vajra-alaṃkāra), Kim Cương Minh Bồ Tát (Vajra-jyoti), Kim Cương Số Bồ Tát (Vajra-vikrama), Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokiteśvara), Phổ Quán Thế Bồ Tát (Samanta-avalokiteśvara), Cát Tường Bồ Tát (Loka-śrīya), Liên Hoa Tràng Bồ Tát (Padma-ketu), Liên Hoa Tạng Bồ Tát (Padma-garbha), Liên Hoa Mục Bồ Tát (Padma-netre), Từ Thị Bồ Tát (Maitreya), Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát Ma Ha Tát (Mañjuśrī-dharma-rāja-putra). Các Vị Đại Bồ Tát của nhóm như vậy cung kính vây quanh.

Đức Phật vì tất cả mà thuyết Pháp: Sơ thiện, Trung thiện, Hậu thiện. Nghĩa đó thâm sâu, ngôn ngữ sảo diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ thanh bạch, trang nghiêm như ý.

Lúc đó, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dùng sức thần thông nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng, cúi đầu làm lễ rồi ngồi Kiết Già, dùng mắt thanh tịnh quán sát Đại Chúng xong liền chấp tay Kim Cương bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Có các Tú Diệu, hình mạo hung ác, tâm nhiều phần nộ, não hại chúng sinh. Hoặc chặt đứt mệnh căn, hoặc tổn hoại tài bảo của con người, hoặc làm giảm sút tinh thần của con người, hoặc cản tuổi thọ của con người. Như vậy gây tổn não cho tất cả chúng sinh. Nguyên xin Đức Thế Tôn nói Pháp Chính Mật để tác ứng hộ”

Đức Phật bảo: “Lành thay! Lành thay! Ông có lòng Từ Mẫn, hay vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà hỏi về Pháp bí mật tối thượng của Như Lai. Nay ông hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ông mà nói.

Này Kim Cương Thủ! Các Tú Diệu ác cùng với hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, Phi Nhân....như vậy, nên dùng nước Át Già tối thượng, âm nhạc... y theo Pháp gia trì, mỗi mỗi cúng dường khiến cho họ vui vẻ diệt trừ các ác “

Thời ở ngay trong trái tim của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tuôn ra ánh hào quang lớn tên là BI QUANG nhập vào đỉnh đầu các Tú Diệu. Trong khoảng sát na tất cả Tú Diệu với nhóm Nhật, Nguyệt liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật rồi quỳ gối phải sát đất chấp tay cung kính bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn!

Đức Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác! Nguyên xin ban ân nhiếp thọ! Hãy vì chúng con mà nói Chính Pháp. Nếu chúng con nghe được sẽ ủng hộ Hữu Tinh, khiến cho họ không có nỗi hại cùng với hết thảy sự cấm buộc cột trói (Cấm Phộc) đao kiếm, Độc trùng, tất cả thứ bất độc. Con sẽ kết Địa Giới để làm ủng hộ”

Bây giờ Đức Thích Ca Như Lai liền nói CÚNG DƯỜNG TÚ DIỆU CHÂN NGÔN:

Án _ Minh củ la-ca dã _ Sa-phộc hạ (OM MEGHOLKĀYA SVĀHĀ)

Án _ Thi đán xả vĩ _ Sa-phộc hạ (OM ŚITĀM-ŚAVE SVĀHĀ)

Án _ Lạc khát-đán nga câu ma la dã _ Sa-phộc hạ (OM RAKTĀMGA-KUMĀRĀYA SVĀHĀ)

Án _ Mạo đà dã, mạo đà dã _ Sa-phộc hạ (OM BUDHĀYA BUDHĀYA SVĀHĀ)

Án _ Bộ nga sa-ba na dã _ Sa-phộc hạ (OM VRHASPATĀYA SVĀHĀ)

Án _ A tô la tát đđa ma dã _ Sa-phộc hạ (OM ASURA -UTTMĀYA SVĀHĀ)

Án _ Khất-lý sắt-noa phộc la-noa dã _ Sa-phộc hạ (OM KṚṢṆA-VARNĀYA SVĀHĀ)

Án _ A mật-lý đđa bát-lý dạ dã _ Sa-phộc hạ (OM AMṚTA ŚRĪYĀYA SVĀHĀ)

Án _ Nhũ đễ kế đđa phệ _ Sa-phộc hạ (OM JYOTIḤ-KETAVE SVĀHĀ)

Bây giờ, Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn xong liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng: “Cửu Diệu Chân Ngôn như vậy, người niệm đều được thành tựu. Trước hết nên y theo Pháp dùng nước thơm xoa **Man Noa La** (Maṇḍala: Đàn Trường) rộng 12 ngón tay. Hoặc dùng vật khí bằng vàng bạc, hoặc vật bằng đồng, vật bằng sành sứ hiến nước Át Già cúng dường Tinh Diệu, dùng Chân Ngôn trước đều niệm 108 biến thì việc mong cầu ắt đều thành tựu “

Đức Phật bảo: “Này Kim Cương Thủ Bồ Tát! Nay Ta lại nói Đà La Ni tên là THÁNH DIỆU MẪU có sức lực của Đại Minh hay làm việc ủng hộ. Tất cả Tú Diệu nghe được đều vui vẻ. Nếu có Bất Sô, Bất Sô Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nghe Kinh Điển này ở Man Noa La hiến Át Già cúng dường, niệm Chân Ngôn này 7 biến liền được giàu có, cao sang, trường thọ. Nếu mỗi ngày đều trì tụng thì tất cả Tú Diệu ấy hay làm cho thỏa mãn tất cả ý nguyện của Hữu Tinh.

TÚ DIỆU MẪU ĐÀ LA NI là:

Năng mô la đát-năng đát-la dạ dã (NAMO RATNA-TRAYĀYA)

Năng mô một đà dã (NAMO BUDDHĀYA)

Năng mô phộc nhật-la đà la dã (NAMO VAJRA-DHĀRĀYA)

Năng mô bát nại-ma đà la dã (NAMO PADMA-DHĀRĀYA)

Năng mô tát phộc cật-la ha nản _ Tát phộc thương bà lệ bố la ca noãn (NAMO SARVA GRAHĀṆĀM _ SARVA AŚAM PARIPŪRAKĀṆĀM)

Năng mô nhược khát-xoa đát-la noãn (NAMO NAKṢATRĀṆĀM)

Năng mô nạp-phộc na xả la thi nam (NAMO DVĀ- DAŚA ṚṢĪNĀM)

Đát nễ-dã tha : Án _ Một đệ (TADYATHĀ: OM BUDDHE)

Phộc nhật-lý, phộc nhật-lý (VAJRI VAJRI)

Bát nại-mính (PADMI)

Sa la. Sa la (SARA SARA)

Bát-la sa la, bát-la sa la (PRASARA PRASARA)

Sa-ma la, sa-ma la (SMARA SMARA)

Khất-lý noa dã, khất-lý noa dã (KṚṢṆĀYA KṚṢṆĀYA)

Mật lý-noa dã (VARNĀYA)

Già đa dā, già đa dā (JATĀYA JATĀYA)
Tát phộc vĩ cận-năng (SARVA VIGHNĀM)
Cụ lỗ, cụ lỗ (KURU KURU)
Thân na, thân na (CCHINDA CCHINDA)
Tần na, tần na (BHINDA BHINDA)
Sát bả dā, sát bả dā (STAMBHĀYA STAMBHĀYA)
Phiến đế, phiến đế (ŚĀNTI ŚĀNTI)
Nan đế, nan đế (NĀNDE NĀNDE)
Na ma dā, na ma dā (NAMĀYA NAMĀYA)
Nạp-lỗ đát na lệ xá dā tát-ma nam (TRŪ SADHĀRI ŚAYA ATMANĀM)
Ma Ma (MAMA)
Lạc khát-xoa, lạc-khát xoa (RAKṢA RAKṢA)
Tát phộc tát đát-phộc thất tả (SARVA SATVĀNĀM CA)
Tát phộc nhược khát-sát đát-la, khát-la ha bế nản (SARVA NAKṢATRA GRAHEBHYAḤ)
Ma nễ lệ-phộc la duệ (MADIRVARĀYE)
Bà nga phộc đế (BHAGAVATI)
Ma hạ ma duệ , bát-la sa đà dā (MAHĀ-MĀYE PRASĀDHAYA)
Tát phộc bá bá nễ di (SARVA PĀPAN IME)
Tát phộc tát đát-phộc nan (SARVA SATVĀNĀM)
Tán ni, tán ni (CAṆḌI CAṆḌI)
Độ lỗ, độ lỗ (DHURU DHURU)
Ba nga phộc đế (BHAGAVATI)
Tán ni, tán ni (CAṆḌI CAṆḌI)
Tô mẫu, tô mẫu (SUMU SUMU)
Tổ mẫu, tổ mẫu (CUMU CUMU)
Bà phộc bà phệ (BHAVĀ BHAVE)
Ô cật-lị, ô cật-la (UGRI UGRA)
Đa bế bố la dā (DHAPE PŪRĀYA)
Ma ma (MAMA)
Tát phộc tát đát-phộc nan tả (SARVA SATVĀNĀM CA)
Ma nễ la tha (MANORTHA)
Tát phộc đát tha nga đa địa sát-xỉ đa tam bà duệ_ Sa-phộc hạ (SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬITA SAMBHAVE _ SVĀHĀ)
Án _ Sa-phộc hạ (OM SVĀHĀ)
Hồng _ Sa-phộc hạ (HŪM SVĀHĀ)
Ngật-lăng_ Sa-phộc hạ (HRĪḤ SVĀHĀ)
Thông_ Sa-phộc hạ (DHŪḤ SVĀHĀ)
Định_ Sa-phộc hạ (DHĪḤ SVĀHĀ)
Phộc nhật-la đà la dā_ Sa-phộc hạ (VAJRA-DHĀRĀYA SVĀHĀ)
Bát nại-ma đà la dā_ Sa-phộc hạ (PADMA-DHĀRĀYA SVĀHĀ)
A nãnh đễ-dā dā _ Sa-phộc hạ (ĀDITYĀYA SVĀHĀ)
Tô ma dā_ Sa-phộc hạ (SOMĀYA SVĀHĀ)
Đà la ni tô đa dā _ Sa-phộc hạ (DHARAṆI SUTĀYA SVĀHĀ)
Mẫu đà dā_ Sa-phộc hạ (BUDHĀYA SVĀHĀ)
Vật-lý hạ tát-ba đa duệ_ Sa-phộc hạ (VRHASPATĀYE SVĀHĀ)
Tốc khát-la dā _ Sa-phộc hạ (ŚUKRĀYA SVĀHĀ)
Ngật-lý sắt-noa phộc la-noa dā _ Sa-phộc hạ (KṚṢṆA-VARṆĀYA SVĀHĀ)

La hạ phệ_ Sa-phộc hạ (RAHUVĒ SVĀHĀ)
Ca đa phệ_ Sa-phộc hạ (KETUVĒ SVĀHĀ)
Một đà dā_ Sa-phộc hạ (BUDDHĀYA SVĀHĀ)
Phộc nhật-la đà la dā_ Sa-phộc hạ (VAJRA-DHĀRĀYA SVĀHĀ)
Bát na-ma đà la dā_ Sa-phộc hạ (PADMA-DHĀRĀYA SVĀHĀ)
Câu ma la dā_ Sa-phộc hạ (KUMĀRĀYA SVĀHĀ)
Nhược khật-xoa đất-la nản_ sa-phộc hạ (NAKṢATRĀṆĀM SVĀHĀ)
Tát lý vũ ba na-la phộc nản_ Sa-phộc hạ (SARVA UPADRAVANĀM SVĀHĀ)

Án_ Tát li-phộc vĩ nễ, hồng, phát tra_ Sa-phộc hạ (OM SARVA VIDE HŪM PHAT SVĀHĀ)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong, liền bảo Kim Cương Thủ Bồ Tát rằng: “Nay, bí mật tối thượng của Chân Ngôn này là hay cho chúng sinh mãn tất cả nguyện. Nếu có người cầu sự trường thọ thì vào ngày mùng bảy tháng tám bắt đầu thọ trì trai giới đến đêm ngày 14 y theo Pháp cúng dường Tú Diệu cho đến ngày 15, trong một ngày đêm đọc tụng Đà La Ni này thì người đó sẽ sống lâu đến 99 năm. Hết thầy hàng Lô Diễm, Rồng, Quỷ, các Tinh Diệu ác đều chẳng có thể gây sợ hãi. Lại được Túc Mệnh Trí, mọi sở nguyện đều như ý “

Khi ấy tất cả Tú Diệu nghe lời Đức Phật nói đều khen ngợi rằng: “Lành thay! Lành thay! Thật là hiếm có! Chúng con xin thọ trì”. Nói xong liền cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi đột nhiên chẳng hiện.

PHẬT NÓI KINH THÁNH DIỆU MẪU ĐÀ LA NI (HẾT)

Do 2 bài Chân Ngôn trong Kinh Bản của chữ Hán (No.1302 và No.1303), phiên âm tiếng Phạn có sai khác, nên phần phục hồi Phạn Ngữ không được chuẩn xác.

Nay tôi xin dùng bản Phạn “**Ārya-graha-mātrkā Nāma Dhāraṇī**” của trang **Dharani-sangraha** (Nepal) ghi chép lại để người đọc tham khảo.

1_ Cúng Dường Tú Diệu Chân Ngôn:

OM MEGHOLKĀYA SVĀHĀ
OM ŚITĀMŚAVE SVĀHĀ
OM RAKTĀṄGA-KUMĀRĀYA SVĀHĀ
OM BUDHĀYA SVĀHĀ
OM VṚHASPATAYE SVĀHĀ
OM ASURA-UTTAMĀYA SVĀHĀ
OM KṚṢṆA-VARṆĀYA SVĀHĀ
OM RĀHAVE SVĀHĀ
OM JYOTIḤ-KETAVE SVĀHĀ

2_ Tú Diệu Mẫu Đà La Ni (Gṛha-mātrka-nāma-dhāraṇī)

OM NAMO RATNA-TRAYĀYA
OM NAMO BUDDHĀYA
OM NAMO DHARMĀYA
OM NAMAḤ SAMGHĀYA
OM NAMO VAJRA-DHARĀYA
OM NAMAḤ PADMA-DHARĀYA
OM NAMAḤ KUMĀRĀYA
OM NAMAḤ SARVA-GRAHĀṆĀM SARVA-AŚĀ-PARIPŪRAKĀṆĀM
OM NAMAḤ NAKṢATRĀṆĀM

OM NAMO DVĀ-DAŚA- RĀŚĪNĀM
OM NAMAḤ SARA-UPADRAVĀṆĀM
TADYATHĀ:

OM BUDDHE BUDDHE ŚUDDHE ŚUDDHE VAJRE VAJRE
PADME PADME SARA SARA PRASARA PRASARA SMARA SMARA
KRĪḌA KRĪḌA KRĪḌĀYA KRĪḌĀYA MARA MARA MĀRAYA
MĀRAYA MARDAYA MARDAYA STAMBHA STAMBHA
STAMBHAYA STAMBHAYA GHĀṬA GHĀṬA GHĀṬAYA GHĀṬAYA
MAMA SARVA-SATTVĀNĀṆCA VIGHNĀN CCHINDA CCHINDA BHINDA
SARVA-VIGHNĀN NĀŚANĀM KURU KURU MAMA
SAPARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀṆCA

KĀRYAṀ KṢEPAYA KṢEPAYA MAMA SARVA-SATTVĀNĀṆCA
SARVA-NAKṢATRA-GRAHA-PĪDĀN NIVĀRAYA NIVĀRAYA

BHAGAVATI ŚRĪYAṀ KURU MAHĀ-MĀYA PRASĀDHAYA SARVA-
DUṢṬĀN NĀŚAYA

SARVA-PĀPANI MAMA SAPARIVĀRASYA SARVA-SATTVĀNĀṆCA
RAKṢA RAKṢA

VAJRE VAJRE CAṆḌE CAṆḌE CAṆḌINI CAṆḌINI NURU NURU
MUSU MUSU MUMU MUMU MUṆCA MUṆCA HAVĀ HAVE UGRE
UGRA-TARE PŪRAYA

BHAGAVATI MANORATHAṀ MAMA SARVA-PARIVĀRASYA
SARVA-SATTVĀNĀṆCA SARVA-TATHĀGATA-ADHIṢṬHITANA-
ADHIṢṬHITE SVĀHĀ

OM SVĀHĀ

HŪM SVĀHĀ

HRĪḤ SVĀHĀ

DHŪḤ SVĀHĀ

DHĪḤ SVĀHĀ

OM ĀDITYĀYA SVĀHĀ

OM SOMĀYA SVĀHĀ

OM DHARAṆĪ-SUTĀYA SVĀHĀ

OM BUDHĀYA SVĀHĀ

OM VṚHASPATAYE SVĀHĀ

OM ŚUKRĀYA SVĀHĀ

OM ŚANIŚCARĀYA SVĀHĀ

OM RĀHAVE SVĀHĀ

OM KETAVE SVĀHĀ

OM BUDDHĀYA SVĀHĀ

OM VAJRA-PĀṆAYE SVĀHĀ

OM PADMA-DHARĀYA SVĀHĀ

OM KUMĀRĀYA SVĀHĀ

OM SARVA-GRAHĀṆĀM SVĀHĀ

OM SARVA-NAKṢATRĀṆĀM SVĀHĀ

OM SARVA-UPADRAVĀṆĀM SVĀHĀ

OM DVĀ-DAŚA-RĀŚĪNĀM SVĀHĀ

OM SARVA-VIDYE HŪM HŪM PHAṬ SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong ngày 02/12/2008

